

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/DS-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Đóa và bà Vũ Thị Thịnh

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 26/5/2022; về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-DS ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tô Duy T, sinh năm 1971. Có mặt .

Chị Đinh Thị H, sinh năm 1971. Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu T1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Chị Hồ Thị N, sinh năm 1984. Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tô Duy T trình bày:*

Ngày 23/9/2016 chị Hồ Thị N và anh Phạm Hữu T1 có vay vợ chồng anh T chị H số tiền 100.000.000đồng, anh T đã trực tiếp giao cho chị N đủ số tiền 100.000.000đ, giấy vay tiền do chị N viết, lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất ngân hàng là 9%/tháng. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể, chị N anh T1 nói vợ chồng anh T chị H khi nào cần tiền thì sẽ trả. Quá trình vay anh T1 và chị N đã trả cho vợ chồng anh T chị H lãi suất một năm 10.000.000đ. Kể từ tháng 10/2017 đến nay vợ chồng anh T chị H trực tiếp đến hỏi nợ anh T1 chị N nhiều lần nhưng anh T1 chị N nói chưa có tiền, trình bày hoàn cảnh khó khăn, khất lần này đến lần khác nên đến nay vẫn chưa trả thêm cho vợ chồng anh T chị H khoản tiền lãi suất và nợ gốc nào. Tại đơn khởi kiện anh T yêu cầu lãi suất 9%/tháng, tại bản tự khai đề ngày 09/6/2022 anh T yêu cầu lãi suất 0,9%/tháng, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, biên bản hòa giải anh T yêu cầu lãi suất 0,9%/năm, tại phiên tòa anh T yêu cầu lãi suất 0,9%/tháng. Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh T1 chị N trả cho anh T chị H số tiền nợ gốc 100.000.000đ và lãi suất 0,9%/tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xét xử xong vụ án.

Chị Đinh Thị H thống nhất như lời trình bày của anh Tô Duy T: Chị H yêu cầu vợ chồng anh T1 chị N trả cho anh T chị H số tiền nợ gốc 100.000.000đ và lãi suất 0,9%/tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xét xử xong vụ án.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Hồ Thị N trình bày:* Ngày 23/9/2016 vợ chồng chị sang nhà đề nghị anh T chị H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mảnh đất mà vợ chồng chị mua của anh T chị H. Sau đó anh T chị H nói nếu thiếu tiền thì anh chị sẽ cho vay, anh T chị H cho vợ chồng vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 0,9%/năm. Giấy vay tiền do chị viết. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và cũng không ghi vào giấy vay tiền. Ngày 22/6/2017 tại buổi hòa giải giải quyết tranh chấp đất thì hai bên có nhắc đến khoản tiền vợ chồng chị vay anh T, chị H số tiền 100.000.000đ. Số tiền vay không liên quan đến tiền mua bán đất. Quá trình vay nợ sau một năm vợ chồng đã trả cho anh T chị H tiền lãi suất là 10.000.000đồng, còn tiền gốc 100.000.000đ vợ chồng chị trực tiếp đưa tiền sang gặp anh T chị H trả nợ nhưng anh T, chị H không nhận, vợ chồng chị nhờ người khác cầm tiền sang trả anh T chị H cũng không nhận nên vợ chồng phải cầm tiền về. Tại phiên tòa chị N thống nhất vợ chồng anh chị có vay anh T, chị H số tiền gốc 100.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng khoảng hơn 10.000.000đ/năm tương đương mức lãi suất 0,9%/tháng, giấy vay tiền

cho chị trực tiếp viết. Nay anh T chị H yêu cầu vợ chồng anh T1 chị N trả số tiền nợ gốc vay ngày 23/9/2016 là 100.000.000đ và lãi suất 0,9%/tháng kể từ tháng 10/2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì chị N thừa nhận vợ chồng chị có vay nợ anh T chị H số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, lãi suất 0,9%/tháng. Nhưng hiện nay vợ chồng chị chưa có tiền để trả nợ cho anh T chị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Hữu T1 trình bày: Ngày 23/9/2016 vợ chồng anh sang nhà đề nghị anh T chị H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất mảnh đất mà vợ chồng chị mua của anh T chị H. Sau đó anh T chị H nói nếu thiếu tiền thì anh chị sẽ cho vay, anh T chị H cho vợ chồng vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 0,9%/năm. Giấy vay tiền do chị viết. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và cũng không ghi vào giấy vay tiền. Ngày 22/6/2017 tại buổi hòa giải giải quyết tranh chấp đất thì hai bên có nhắc đến khoản tiền vợ chồng chị vay anh T, chị H số tiền 100.000.000đ. Số tiền vay không liên quan đến tiền mua bán đất. Quá trình vay nợ sau một năm vợ chồng đã trả cho anh T chị H tiền lãi suất là 10.000.000đồng, còn tiền gốc 100.000.000đ vợ chồng chị trực tiếp đưa tiền sang gặp anh T chị H trả nợ nhưng anh T, chị H không nhận, vợ chồng chị nhờ người khác cầm tiền sang trả anh T chị H cũng không nhận nên vợ chồng phải cầm tiền về. Anh thừa nhận vợ chồng anh có nợ anh T chị H số tiền gốc là 100.000.000đ, lãi suất 0,9%/năm, nhưng hiện nay vợ chồng anh chưa có trả nợ cho anh T chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Cụ thể là quá trình làm việc, mặc dù đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản nhưng không ký vào bất kỳ biên bản nào do Tòa án thực hiện, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Duy T và chị Đinh Thị H. Buộc anh Phạm Hữu T và chị Hồ Thị N trả số tiền gốc vay và lãi suất kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày xét xử 15/9/2022 với mức lãi suất 0,9%/tháng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Hữu T1 và chị Hồ Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Hữu T1 đã được Tòa án tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh T1 vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Yêu cầu về tiền gốc:

Anh T, chị H yêu cầu anh T1, chị N trả nợ số tiền gốc là 100.000.000đ. Chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình có nội dung: “Ngày 23.9.2016 T1, N vay chú T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Các đương sự đều công nhận nội dung giấy vay tiền là do chị N viết. Quá trình giải quyết anh T1 và chị N đều công nhận có vay anh T, chị H số tiền 100.000.000đ và công nhận là khoản nợ chung của vợ chồng. Hiện nay anh T1 và chị N hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền trả cho anh T, chị H. Như vậy, việc vay nợ là có thật, đã được các đương sự công nhận. Do đó có đủ cơ sở xác định anh T1, chị N có nợ anh T, chị H số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), giấy vay tiền giữa anh T, chị H và anh T1, chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2]. Yêu cầu về tiền lãi suất: Giấy vay tiền không thể hiện thời hạn cho vay và không nêu rõ lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Nguyên đơn và bị đơn đều công nhận hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 0,9%/tháng tương đương khoảng 10.000.000đ/năm. Nguyên đơn, bị đơn cũng công nhận quá trình vay anh T1, chị N đã trả cho anh T, chị H lãi suất của 01 năm tính đến hết tháng 9/2017 tạm tính là 10.000.000đ. Mức lãi suất 0,9%/tháng, không vượt quá 20%/năm theo quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy có thể khẳng định việc hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là có thật. Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất. Vì vậy chấp nhận yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn tính từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày 15/9/2022 là:  $100.000.000đ \times 0,9\% \times 59 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 53.550.000đ$ .

[4]. Về án phí: Bị đơn anh Phạm Hữu T1 và chị Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự,

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phạm Hữu T1, chị Hồ Thị N phải trả nợ cho anh Tô Duy T, chị Đinh Thị H số tiền là 153.550.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) Trong đó nợ gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất: 53.550.000đ (Năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí: Bị đơn anh Phạm Hữu T, chị Hồ Thị N phải chịu 7.678.000 (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Tô Duy T, chị Đinh Thị H số tiền tạm ứng án phí 3.715.000đ (Ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007831 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,9%/tháng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**

